

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN BP
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN BP

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BP RESOURCE JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: C.TY CP TÀI NGUYÊN BP

2. Mã số doanh nghiệp: 3801205149

3. Ngày thành lập: 24/07/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Tổ 1, Khu phố Phú Nghĩa, Phường Phú Đức, Thị xã Bình Long, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

Điện thoại: 0972.666718

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Trồng lúa	0111
2.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
3.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
4.	Trồng cây lấy sợi	0116
5.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
6.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
7.	Trồng cây hàng năm khác	0119
8.	Trồng cây ăn quả	0121
9.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
10.	Trồng cây chè	0127
11.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
12.	Trồng cây lâu năm khác	0129
13.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
14.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
15.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
16.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa	0142
17.	Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai	0144
18.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
19.	Chăn nuôi gia cầm	0146
20.	Chăn nuôi khác	0149
21.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
22.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
23.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162

24.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
25.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
26.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0231
27.	Thu nhặt lâm sản khác trừ gỗ	0232
28.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
29.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
30.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
31.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
32.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
33.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
34.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
35.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
36.	Sản xuất chè	1076
37.	Sản xuất sợi	1311
38.	Sản xuất vải dệt thoi	1312
39.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
40.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1391
41.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	1399
42.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
43.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
44.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
45.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
46.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
47.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
48.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
49.	Cơ sở lưu trú khác	5590
50.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
51.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
52.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
53.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
54.	Quảng cáo	7310
55.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
56.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
57.	Hoạt động nhiếp ảnh	7420
58.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu	7490
59.	Cho thuê xe có động cơ	7710

60.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
61.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
62.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
63.	Đại lý du lịch	7911(Chính)
64.	Điều hành tua du lịch	7912
65.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
66.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí	9000
67.	Hoạt động thư viện và lưu trữ	9101
68.	Hoạt động bảo tồn, bảo tàng	9102
69.	Hoạt động của các vườn bách thảo, bách thú và khu bảo tồn tự nhiên	9103
70.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321
71.	Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao	9312
72.	Hoạt động thể thao khác	9319
73.	Hoạt động của các cơ sở thể thao	9311
74.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu	9329
75.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao)	9610
76.	Hoạt động dịch vụ phục vụ hôn lễ	9633

6. Vốn điều lệ: 20.000.000.000 VNĐ
Mệnh giá cổ phần: 20.000 VNĐ/Cổ phần

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	TRẦN NGUYỄN MINH NGUYỄN	98 Cù Lao, Khu Dân Cư Rạch Miễu, Phường 02, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	200.000	4.000.000.000	20,000	070095000022	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	200.000	4.000.000.000	20,000		
2	NGUYỄN HUỖNH NGUYỄN THUY	Tổ 1, Khu phố Phú Nghĩa, Phường Phú Đức, Thị xã Bình Long, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	500.000	10.000.000.000	50,000	285110839	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	500.000	10.000.000.000	50,000		

3	NGUYỄN THỊ HOA	Tổ 1, Khu phố Phú Nghĩa, Phường Phú Đức, Thị xã Bình Long, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	300.000	6.000.000.000	30,000	285481501
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	300.000	6.000.000.000	30,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN THỊ HOA

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 16/06/1978

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 285481501

Ngày cấp: 15/12/2015 Nơi cấp: Công an Bình Phước

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 1, Khu phố Phú Nghĩa, Phường Phú Đức, Thị xã Bình Long, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Tổ 1, Khu phố Phú Nghĩa, Phường Phú Đức, Thị xã Bình Long, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bình Phước